UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**
Số : 893 /QĐ-SGTVT	*Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định Luật ngân sách Nhà nước;Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở giao thông vận tải Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định 4369/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBNND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức, đơn vị cấp tỉnh năm 2021;

Căn cứ Văn bản số 573/SGTVT-KHTC ngày 05/3/2021 của Sở Giao thông vận tải về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Sau khi Sở Tài chính thống nhất với số liệu phân bổ dự toán của Sở Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Giao dự toán thu, chi NSNN năm 2021 cho đơn vị sử dụng ngân sách: Thanh tra Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh *(Theo phụ lục 02 đính kèm).*

Điều 2.Căn cứ dự toán ngân sách năm 2021 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện đúng quy định của luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thưc hiện.

Điều 3. Trưởng các phòng: Kế hoạch -Tài chính, Quản lý KCHT và ATGT,Chánh Thanh tra Sở và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Đơn vị sử dụng NS;
- Lưu VT-KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XHCN VIỆT NAM SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÀ TĨNH

Lương Phan Kỳ

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU,CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Thanh tra Sở Giao thông vận tải Hà tĩnh- Mã QHNN:1049681

(Kèm theo Quyết định số 893 /QĐ-SGTVT ngày01 /4/2021)

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng
I	**DỰ TOÁN NSNN**	**400.000**
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	**400.000**
1.	**Quản lý nhà nước:421-340-341**	
1.1	***Kinh phí thực hiện tự chủ***	
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
1.2	***Kinh phí không thực hiện tự chủ***	
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
2.	**Sự nghiệp giao thông: 421-280-292**	**400.000**
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
2.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	**400.000**